

- Ngày 22/12/2020, Công an Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định khởi tố bị can số 07/QĐ-ĐCSHS về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo Điều 175 Bộ luật Hình sự và ngày 18/5/2021, ra quyết định bổ sung Quyết định khởi tố bị can số 03/QĐ-ĐCSHS về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức, sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Bị cáo bị bắt giam ngày 09/11/2020, có mặt tại phiên tòa.

2. Ngô Văn T1, sinh ngày 20/8/1982, tại tỉnh Quảng Nam; nơi ĐKKHKT và nơi cư trú: tỉnh Quảng Nam; nghề nghiệp: Lao động phổ thông; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Cao Đài; con ông Ngô N và con bà Trần Thị N; vợ thứ nhất tên là Huỳnh Thị Cẩm T (đã ly hôn) và có 01 con chung sinh năm 2006; vợ thứ hai tên là Đặng Thị Thanh T và có 01 con sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 10/11/2020, Phòng Cảnh sát Điều tra tội phạm về ma túy Công an thành phố Đà Nẵng xử phạt vi phạm hành chính số tiền 750.000đ về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”.

Bị cáo bị bắt giam ngày 09/11/2020, có mặt tại phiên tòa.

3. Nguyễn Văn L, sinh ngày 08/8/1982, tại tỉnh Quảng Nam; nơi ĐKKHKT và nơi cư trú: tỉnh Quảng Nam; nghề nghiệp: Lao động phổ thông; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn S và con bà Đỗ Thị B; vợ tên là Nguyễn Thị Lệ H (đã ly hôn) và có 02 con chung, con lớn sinh năm 2007 và con nhỏ sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 10/11/2020, Phòng Cảnh sát Điều tra tội phạm về ma túy Công an thành phố Đà Nẵng xử phạt vi phạm hành chính số tiền 750.000đ về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”.

Bị cáo bị bắt giam ngày 09/11/2020, có mặt tại phiên tòa.

- Luật sư bào chữa theo yêu cầu của Tòa án:

Bào chữa cho bị cáo Nguyễn Quang T: Luật sư Chế Giang S, Công ty luật MTV N và Luật sư Nguyễn Doãn H, Công ty luật TNHH M - thuộc Đoàn luật sư thành phố Đà Nẵng, có mặt;

Bào chữa cho bị cáo Ngô Văn T1: Luật sư Hồ Văn H, Công ty luật TNHH MTV W - thuộc Đoàn luật sư thành phố Đà Nẵng, có mặt;

Bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn L: Luật sư Trương Hùng T, Công ty TNHH D - thuộc Đoàn luật sư thành phố Đà Nẵng, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ 00 phút ngày 09/11/2020, Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an thành phố Đà Nẵng tuần tra tại khu vực gần ngã tư đường N – N, thuộc thành phố Đà Nẵng, phát hiện 02 (hai) thanh niên có biểu hiện nghi vấn từ trên xe ô tô BKS 77A – 115.93 bước xuống. Tiến hành kiểm tra thanh niên khai tên Nguyễn Quang T và Phạm Xuân K, kiểm tra trên xe phát hiện tại hàng ghế sau có 01 ba lô màu đỏ - xám – đen, bên trong có chứa 04 (bốn) hộp nhựa hình trụ, đường kính khoảng 7,5cm có in chữ “Sudocrem”, mỗi hộp chứa 500 (năm trăm) viên nén màu xanh, hình kim cương. T khai đây là ma túy thuốc lắc của T mang đi bán nhưng chưa kịp bán thì bị phát hiện bắt giữ nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đà Nẵng tiến hành lập Biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Nguyễn Quang T về hành vi “Mua bán trái phép chất ma túy”.

** Tang vật thu giữ gồm:*

- 04 (bốn) hộp nhựa cao khoảng 10cm, đường kính khoảng 08cm (hộp nhựa hình trụ), bên trong mỗi hộp đều có chứa 500 (năm trăm) viên nén màu xanh. Niêm phong ký hiệu A.

- 01 (một) điện thoại di động có dòng chữ Oppo màu đen, gắn sim 0395494973.

Cùng vào lúc 12 giờ ngày 09/11/2020, tại ngã tư đường Trần Xuân L – Huỳnh Ngọc H thuộc thành phố Đà Nẵng. Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an thành phố Đà Nẵng, trong khi thi hành nhiệm vụ phát hiện xe ô tô BKS 92A-117.34 có biểu hiện nghi vấn nên yêu cầu dừng lại kiểm tra 02 thanh niên khai tên Ngô Văn T1, Nguyễn Văn L, kiểm tra trên xe phát hiện tại dưới ghế ngồi của L có 01 bao ni lông màu trắng, kích thước (35x30)cm, bên trong có chứa 04 (bốn) hộp nhựa hình trụ, đường kính khoảng 7,5cm có in chữ “Sudocrem”, kiểm tra bên trong hộp thứ nhất có 415 (bốn trăm mười lăm) viên, hộp thứ hai có 446 (bốn trăm bốn mươi sáu) viên, hộp thứ ba có 455 (bốn trăm năm mươi lăm) viên, hộp thứ tư có 451 (bốn trăm năm mươi một) viên và tại vị trí tay cầm cánh cửa bên phụ xe có 02 (hai) mảnh vỡ ma túy thuốc lắc. T1 khai đây là ma túy thuốc lắc vừa nhận của Nguyễn Quang T, mục đích cùng L mang theo đi bán cho khách của L đặt trước đó. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đà Nẵng tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Ngô Văn T1 và Nguyễn Văn L về hành vi “Mua bán trái phép chất ma túy”.

** Tang vật thu giữ gồm:*

- 04 (bốn) hộp nhựa màu xám, hình trụ, đường kính khoảng 7,5cm có in chữ “Sudocrem” chứa tổng cộng 1.767 (một ngàn bảy trăm sáu mươi bảy) viên nén màu xanh, hình kim cương. Niêm phong ký hiệu B.

- 01 (một) gói giấy màu trắng, bên trong có chứa 02 (hai) mảnh vỡ màu xanh. Niêm phong ký hiệu C.

- 01 (một) xe ô tô BKS 92A-117.34.

Kết luận giám định số 329/GĐ-MT ngày 17/11/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố Đà Nẵng kết luận: Mẫu các viên nén và mảnh vỡ màu xanh trong gói niêm phong ký hiệu A, B, C gửi giám định là ma túy, loại MDMA, khối lượng viên nén mẫu A: 702,34gam; B: 621,21 gam; C: 0,339 gam.

Quá trình điều tra xác định được:

Nguồn gốc số ma túy trên là thanh niên tên “T2” (không rõ nhân thân, lai lịch, T2 nói hiện đang sinh sống tại Đức) quen với Nguyễn Quang T thông qua mạng xã hội Zalo, Facebook. Khoảng tháng 10/2020, “T2” đặt vấn đề với T về việc “T2” sẽ chuyển ma túy thuốc lắc từ Đức về Việt Nam cho T tìm mối tiêu thụ. T đồng ý.

Đến ngày 05/11/2020, “T2” liên lạc và nói T đến khu vực gần cầu vượt Sóng Thần, thuộc tỉnh Bình Dương để nhận ma túy, có 01 (một) người đàn ông (không rõ nhân thân, lai lịch) đến hỏi T nhận đồ của “T2” phải không. T nói phải thì người này chỉ vào gốc cây gần đó rồi đi, T đi đến chỗ gốc cây thấy có 01 (một) bao ni lông đen, bên trong có các hộp nhựa hình trụ tròn, T biết đây là ma túy của “T2” vì khi trao đổi việc mua bán ma túy trước đó, “T2” đã gửi hình ảnh ma túy và hộp nhựa như trên cho T thấy.

Việc mua bán ma túy với “T2”, T có trao đổi với Ngô Văn T1, có gửi kèm hình ảnh thuốc lắc cho T1 xem và nhờ T1 tìm người mua ma túy thuốc lắc. T1 đồng ý. Vì vậy, sau khi nhận ma túy, T liên lạc cho T1, hỏi T1 có ai mua ma túy không. T1 nói có bạn T1 là Nguyễn Văn L, sẽ bán giúp ma túy cho T và T1.

Khoảng 10 giờ ngày 06/11/2020, T đi máy bay ra thành phố Đà Nẵng, thuê xe ô tô (không nhớ rõ biển số cũng như địa chỉ, tên của dịch vụ thuê xe), rồi điều khiển đến uống cà phê cùng T1, L tại quán cà phê trên đường Hồ Quý Ly, thành phố Đà Nẵng. Tại đây, L hỏi giá thì T báo giá 01 (một) viên ma túy thuốc lắc là 150.000đ (một trăm năm mươi ngàn đồng), mua 1.000 (một ngàn) viên, tặng thêm 100 (một trăm) viên. Sau đó L có gọi bạn của L gồm (01) nam và 01 (một) nữ đến để thử chất lượng ma túy. L nói có mẫu ma túy để thử không, đưa cho 02 bạn L mấy viên để thử chất lượng. T bảo T1 ra xe ô tô lấy ma túy vào, T1 hỏi để đâu thì T nói T để trong ba lô. T1 cầm vỏ gói thuốc lá đi r axe, mở ba lô và lấy 06 (sáu) viên ma túy thuốc lắc T để sẵn bỏ vào vỏ gói thuốc lá, sau đó đi vào và để gói thuốc lá chứa ma túy bên trong trên bàn. Sau khi uống cà phê xong, nam thanh niên bạn của L cầm gói thuốc chứa 06 (sáu) viên thuốc lắc đi về cùng người nữ, rủ mọi người cùng đi thử chất lượng ma túy nhưng T, T1, L không đi. L, T1 về lại Quảng Nam còn T về lại thành phố Hồ Chí Minh.

Khoảng chiều ngày 07/11/2020, L dùng điện thoại (số 0779732345) gọi cho T1 (số 0975721882), nói có khách cần mua ma túy thuốc lắc số lượng khoảng 200 (hai trăm) viên đến 300 (ba trăm) viên, nói T1 liên lạc T để lấy ma

túy bán cho khách. T1 gọi cho T, nói L có khách cần mua ma túy thuốc lắc, T bán cho L được không thì T không đồng ý, nói có gì đợi T ra Đà Nẵng rồi trao đổi sau.

Khoảng 16 giờ ngày 08/11/2020, khi T đang trên đường đi ra thành phố Đà Nẵng thì L dùng điện thoại (số 0779732345) gọi cho T (số 0385494973), hỏi mua 500 (năm trăm) viên ma túy thuốc lắc, do T không tin tưởng L, T bảo cứ làm việc với T1, rồi T1 sẽ làm việc lại với T.

Đến khuya ngày 08/11/2020, T ra đến thành phố Đà Nẵng, T1 liên lạc nói đang hát Karaoke cùng L cùng vài người bạn tại quán karaoke X, thuộc thành phố Đà Nẵng, nói T có ma túy thì mang sang để bán cho L hoặc bạn L luôn. T đồng ý, T nói anh Phạm Xuân K là tài xế Grab chở T từ thành phố Hồ Chí Minh ra thành phố Đà Nẵng thuê chỗ nghỉ để nghỉ ngơi trước, lúc này T mang ma túy sang karaoke để bán cho khách. Tại đây, L và bạn L yêu cầu tiếp tục thử chất lượng rồi mới đặt mua. T lấy từ hộp nhựa chứa ma túy đã mở sẵn trước đó ra 08 (tám) viên thuốc lắc đưa cho L, rồi ngồi hát karaoke cùng T1 cho đến khi về lại phòng nghỉ. Khi ra về, thấy trên bàn có hai mảnh vỡ của viên thuốc lắc nên T1 lấy giấy trắng bọc lại, cất giấu mục đích để sau này khi bán ma túy cho khách mà khách yêu cầu cần thử thì giao cho khách thử chất lượng.

Khoảng 09 giờ ngày 09/11/2020, T1 liên lạc và đến phòng nghỉ của T. Tại đây, T hỏi có ai mua ma túy không. T1 nói L có khách cần mua nhưng phải giao ma túy trước rồi mới nhận tiền. T nói có 08 hộp, mỗi hộp có 500 (năm trăm) viên ma túy thuốc lắc, nói T1 lấy một nửa để đưa L bán, bán hết thì lấy tiền về, không bán hết thì mang ma túy về lại cho T. T1 đồng ý. Sau đó T1 xuống xe ô tô đang đậu gần khách sạn, T đi sau mang theo ba lô có 08 (tám) hộp nhựa chứa ma túy bên trong. T1 ngồi ghế tài, T ngồi ghế phía sau, vừa nói vừa lấy ra 04 (bốn) hộp nhựa chứa ma túy gồm 03 (hộp) nguyên và 01 (một) hộp thiếu cho vào bao ni lông và để phía sau của T1. Rồi T mang ba lô có 04 (bốn) hộp nhựa chứa ma túy còn lại lên xe Grab của anh Phạm Xuân K đi đến quán cơm gần ngã tư đường N – đường N thành phố Đà Nẵng thì bị phát hiện, bắt quả tang và thu giữ số ma túy trên.

Sau khi nhận ma túy của T, T1 đến quán cà phê gần đó để đón L. Khi lên xe L hỏi có ma túy không thì T1 nói có rồi. L hỏi số lượng bao nhiêu thì T1 nói 04 (bốn) hộp nhựa chứa ma túy gồm 03 (ba) hộp nguyên, mỗi hộp 500 (năm trăm) viên và 01 (một) hộp thiếu. L hỏi để ở đâu thì T1 nói phía sau, L quay lại nhìn, sau đó L nói T1 điều khiển xe đến địa điểm mà L hẹn bán ma túy cho khách. Trên đường đi, T1 lấy ra bọc giấy trắng bên trong chứa 02 (hai) mảnh vỡ của viên thuốc lắc đưa cho L, nói L vứt đi, nhưng L không vứt mà để tại cánh cửa xe. Toàn bộ số ma túy trên đã bị cơ quan công an thu giữ khi bắt quả tang T1.

Ngoài ra, trong quá trình đi cùng L để bán ma túy cho khách, L có nói với T1 về việc L đổi ma túy thuốc lắc sang ma túy Ketamine (hàng khay), T1 hỏi tại sao phải đổi thì L cho biết khách muốn mua cả ma túy thuốc lắc và ma túy Ketamine. T1 đồng ý và lái xe theo yêu cầu của L.

Phương thức giao dịch mua bán ma túy của các đối tượng như sau: Bản thân T và T1 có nguồn gốc ma túy nhưng không biết ai cần mua, vì vậy đã đặt vấn đề với L về việc tìm người mua ma túy. L đồng ý, khi có khách mua ma túy, L liên hệ T1, T1 liên hệ T để lấy ma túy, L giao ma túy cho khách và nhận tiền hưởng chênh lệch.

Lợi nhuận thu được từ việc bán ma túy như sau: Khi bán 01 (một) viên thuốc lắc T thu tiền lời 70.000đ (bảy mươi ngàn đồng), số tiền lời này T chia đôi với T1. T1 đồng ý nhận lời bán giúp ma túy cho T, tuy nhiên vì chỗ thân quen nên T1 không đề cập đến việc lợi nhuận, T chia đôi tiền hay cho bao nhiêu thì T1 nhận bấy nhiêu. T và T1 báo giá với L 01 (một) viên ma túy thuốc lắc là 150.000đ (một trăm năm mươi ngàn đồng), L lấy bán cho khách số lượng bao nhiêu thì đưa tiền bấy nhiêu, còn việc L hưởng tiền chênh lệch khi bán 01 (một) viên là bao nhiêu thì T và T1 không biết.

Ngoài ra, vào thời điểm bắt giữ, qua thử test ma túy xác định Nguyễn Quang T, Ngô Văn T1, Nguyễn Văn L dương tính với ma túy. Bản thân các đối tượng thừa nhận hành vi sử dụng trái phép chất ma túy nên Phòng CSĐT tội phạm về ma túy CATP Đà Nẵng đã ra Quyết định xử phạt hành chính bằng hình thức phạt tiền 750.000đ (bảy trăm năm mươi ngàn đồng) đối với mỗi đối tượng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 68/2021/HS-ST ngày 20/9/2021 và Thông báo sửa chữa, bổ sung bản án số 32/2021/TB-TA ngày 18/11/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng quyết định:

Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Quang T, Ngô Văn T1 và Nguyễn Văn L phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Về hình phạt:

Căn cứ điểm b khoản 4 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 40 của Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017). Xử phạt Nguyễn Quang T tù hình. Căn cứ khoản 4 Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự, tiếp tục tạm giam bị cáo Nguyễn Quang T để đảm bảo thi hành án. Trong thời hạn 07 (Bảy) ngày kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bị cáo Nguyễn Quang T được gửi đơn xin ân giảm lên Chủ tịch nước.

Căn cứ điểm b khoản 4 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 và Điều 39 của Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017):

Xử phạt Ngô Văn T1 tù chung thân. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt 09/11/2020;

Xử phạt Nguyễn Văn L tù chung thân. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt 09/11/2020.

Hình phạt bổ sung: Căn cứ khoản 5 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017). Phạt tiền: Bị cáo Nguyễn Quang T 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng), bị cáo Ngô Văn T1 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng), bị cáo Nguyễn Văn L 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về hình phạt bổ sung, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 26/9/2021, các bị cáo Nguyễn Quang T, Ngô Văn T1 và Nguyễn Văn L kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt;

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Nguyễn Quang T, Ngô Văn T1 và Nguyễn Văn L trình bày giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu:

Về tố tụng: Kháng cáo của các bị cáo là trong thời hạn luật định.

Về nội dung: Bị cáo Nguyễn Quang T đồng ý nhận ma túy từ đối tượng tên T2 (không rõ nhân thân, lai lịch sinh sống tại Đức) chuyển về Việt Nam. Ngày 05/11/2020, bị cáo T nhận của đối tượng (không rõ nhân thân lai lịch) 01 túi ni lông có 08 hộp chưa ma túy, mỗi hộp chứa 500 viên ma túy thuốc lắc. Tổng cộng là 4.000 viên và mang về Thành phố Hồ Chí Minh cất giấu. Bị cáo T liên hệ với bị cáo T1 và gửi hình ảnh ma túy cho T1 xem và nhờ T1 tìm người mua để bán thì được T1 đồng ý. T1 giới thiệu bị cáo L là người bán giúp ma túy cho T và T1. Ngày 06/11/2020, ba bị cáo T, T1 và L gặp nhau thống nhất giá bán ma túy, số lượng, chất lượng và thưởng nếu bán số lượng lớn, bị cáo L đồng ý. Khi có người muốn mua ma túy, L và T1 liên tục liên hệ với T và T đồng ý gặp để trao đổi. Khoảng 9 giờ ngày 09/11/2020 bị cáo T giao cho bị cáo T1 04 hộp ma túy để T1 và L bán cho người có nhu cầu, khi T1 và L chưa kịp bán ma túy thì bị bắt quả tang. Vào thời điểm này, bị cáo T cũng bị bắt quả tang với 04 hộp ma túy chưa kịp bán. Kết luận giám định 1.767 viên ma túy thu giữ đối với bị cáo T1, L là 621,21gam MDMA và 02 mảnh vỡ là 0,339gam MDMA; kết luận 2.000 viên thu giữ của bị cáo T là 702,34gam MDMA. Tổng khối lượng ma túy là 1.323,889gam MDMA. Hành vi phạm tội của các bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng. Bị cáo T có nhân thân xấu, tái phạm; số lượng ma túy bị cáo T, T1 mua bán lớn, nhiều gấp 13 lần quy định khung hình phạt; bị cáo L gấp 06 lần. Mức hình phạt cấp sơ thẩm áp dụng đối với các bị cáo là thỏa đáng, không nặng. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Luật sư bào chữa cho bị cáo T tranh tụng, bị cáo Thì bổ sung: Bị cáo T có đơn cứu xét của gia đình và các con. Bị cáo không phải là người mua bán ma túy chuyên nghiệp. Hành vi phạm tội của bị cáo đã được ngăn chặn kịp thời, ma túy

chưa bán cho ai, phạm tội chưa đạt; gia đình bị cáo có công với cách mạng, hoàn cảnh khó khăn. Vai trò bị cáo T và T1 là ngang nhau. Bị cáo chưa thu lợi bất chính. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giảm hình phạt xuống tù chung thân.

Luật sư bào chữa cho bị cáo T1 tranh tụng, bị cáo T1 bổ sung: Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng thiếu tình tiết giảm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho bị cáo, vì kết luận điều tra thể hiện bị cáo tích cực hợp tác với cơ quan điều tra. Bị cáo có hoàn cảnh khó khăn. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giảm hình phạt xuống 20 năm tù.

Luật sư bào chữa cho bị cáo L tranh tụng, bị cáo L bổ sung: Bị cáo phạm tội chưa đạt, chưa gây hậu quả, mức độ tham gia của L là do T1 đặt vấn đề trước, bị cáo không nắm được số lượng, chỉ khi bị bắt mới biết. Bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, đã ly hôn và phải nuôi con nhỏ. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giảm hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát tranh tụng: Hành vi phạm tội của các bị cáo là do cơ quan chức năng phát hiện ngăn chặn, chứ không phải các bị cáo tự ý dừng việc phạm tội. Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà các luật sư nêu và đề nghị đã được Tòa án sơ thẩm áp dụng. Đối với luật sư bào chữa cho bị cáo T1 đề nghị áp dụng t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho bị cáo là không có căn cứ, vì đây chỉ là tình tiết thành khẩn khai báo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tổ tụng:

Ngày 26/9/2021, các bị cáo Nguyễn Quang T, Ngô Văn T1 và Nguyễn Văn L kháng cáo Bản án hình sự sơ thẩm số 68/2021/HS-ST ngày 20/9/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng với cùng nội dung xin giảm nhẹ hình phạt. Như vậy, kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Quang T, Ngô Văn T1 và Nguyễn Văn L là trong thời hạn luật định, Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Trong các khoảng thời gian đầu tháng 11 năm 2020, các bị cáo Nguyễn Quang T, Ngô Văn T1 đã nhiều lần liên hệ với nhau qua điện thoại di động và hẹn gặp tại Đà Nẵng để thỏa thuận mua bán ma túy trái phép. Khi bị cáo L có người cần mua ma túy thì T, T1, L đã gặp nhau bàn bạc. Trước đó, bị cáo Nguyễn Quang T đã nhận được của đối tượng tên T2 (không rõ nhân thân, lai lịch) thông qua một đối tượng (cũng không rõ nhân thân, lai lịch) 01 (một) gói ni lông, bên trong có 08 (tám) hộp nhựa có chứa ma túy (thuốc lắc), mỗi hộp nhựa gồm 500

viên ma túy thuốc lắc. Tổng cộng là 4.000 viên T đang cất giữ tại Thành phố Hồ Chí Minh. Trong các ngày 07, 08 tháng 11 năm 2020, các bị cáo Ngô Văn T1 và Nguyễn Văn L liên tục điện thoại cho bị cáo Nguyễn Quang T để trao đổi về việc có người mua ma túy và T đồng ý hẹn gặp tại Đà Nẵng. Khoảng 09 giờ 00 phút ngày 09 tháng 11 năm 2020, tại phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng (gần Nhà nghỉ Bình Linh), bị cáo Nguyễn Quang T giao cho bị cáo Ngô Văn T1 04 hộp nhựa bên trong có chứa ma túy (thuốc lắc) để bị cáo Ngô Văn T1 và bị cáo Nguyễn Văn L bán cho người khác. Sau khi bị cáo Nguyễn Quang T giao ma túy cho bị cáo Ngô Văn T1 xong. Khoảng 12 giờ ngày 09 tháng 11 năm 2020 tại khu vực gần ngã tư đường N - N, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng, Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an thành phố Đà Nẵng bắt Nguyễn Quang T và thu giữ cùng 04 hộp nhựa bên trong có chứa ma túy (thuốc lắc) với số lượng 2.000 viên nén màu xanh (ký hiệu A). Đồng thời, cùng thời gian này tại ngã tư đường Trần Xuân L - Huỳnh Ngọc H, thành phố Đà Nẵng, Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an thành phố Đà Nẵng bắt Ngô Văn T1, Nguyễn Văn L và thu giữ 01 bao ni lông bên trong có 04 hộp nhựa chứa ma túy (thuốc lắc) với số lượng 1.767 viên nén màu xanh (ký hiệu B) và 02 mảnh vỡ ma túy thuốc lắc (ký hiệu C).

Bản giám định số 329/GĐ-MT ngày 17/11/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Đà Nẵng kết luận: Mẫu các viên nén và mảnh vỡ màu xanh trong gói niêm phong ký hiệu A, B, C gửi giám định là ma túy loại MDMA, khối lượng mẫu A là 702,34gam; B là 621,21gam; C là 0,339gam.

[2] Xét kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Quang T, Ngô Văn T1 và Nguyễn Văn L:

Đối với bị cáo Nguyễn Quang T: Bị cáo đóng vai trò chính, trực tiếp nhận ma túy của đối tượng tên T2 với số lượng 4.000 viên có khối lượng 1.323,889 gam loại MDMA nhằm mua bán trái phép. Khi bị bắt quả tang, bị cáo T đã giao cho bị cáo Ngô Văn T1 1.767 viên có khối lượng 621,21gam để T1 giao cho Nguyễn Văn L tìm người nhằm mua bán trái phép; đồng thời, thu giữ của bị cáo T 2.000 viên có khối lượng 702,34gam loại MDMA. Như vậy, bị cáo Nguyễn Quang T phải chịu trách nhiệm hình sự đối với khối lượng ma túy là 1.323,889gam loại MDMA.

Đối với bị cáo Ngô Văn T1: Sau khi bị cáo Nguyễn Quang T nhận ma túy của đối tượng tên T2, T điện thoại trao đổi với Ngô Văn T1 về việc tìm người mua ma túy thì được T1 đồng ý. Bị cáo Ngô Văn T1 liên hệ với bị cáo Nguyễn Văn L và được L đồng ý bán giúp ma túy cho T và T1. Từ đó, bị cáo Ngô Văn T1 đã trực tiếp nhận ma túy từ bị cáo Nguyễn Quang T với 1.767 viên có khối lượng 621,21gam và giao cho Nguyễn Văn L để cùng L tìm người mua bán trái phép.

Như vậy, hành vi phạm tội của bị cáo Ngô Văn T1 là đồng phạm với bị cáo Nguyễn Quang T và phải chịu trách nhiệm hình sự đối với khối lượng ma túy là 1.323,889gam loại MDMA.

Đối với bị cáo Nguyễn Văn L: Khi được bị cáo Ngô Văn T1 liên hệ đặt vấn đề nhờ tìm người mua bán ma túy thì bị cáo đồng ý ngay. Sau khi bị cáo T1 nhận ma túy từ bị cáo T với 1.767 viên có khối lượng 621,21gam loại MDMA, bị cáo T1 mang đến giao ma túy cho bị cáo Nguyễn Văn L để T1 và L đi bán thì bị phát hiện bắt giữ. Như vậy, bị cáo Nguyễn Văn L phải chịu trách nhiệm hình sự đối với khối lượng ma túy là 621,21gam loại MDMA.

Hành vi của Nguyễn Quang T, Ngô Văn T1, Nguyễn Văn L đã đủ các yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Đồng thời, khối lượng ma túy mà các bị cáo Nguyễn Quang T, Ngô Văn T1 mua bán trái phép là 1.323,889gam loại MDMA; khối lượng ma túy mà bị cáo Nguyễn Văn L mua bán trái phép là 621,21gam loại MDMA. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm kết án các bị cáo về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 4 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017) là có căn cứ, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của các bị cáo có tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội đặc biệt lớn, đã xâm phạm chính sách độc quyền thống nhất quản lý của Nhà nước về các chất ma túy, trực tiếp là hoạt động mua bán chất ma túy; xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội, là nguyên nhân phát sinh các loại tội phạm khác và làm ảnh hưởng rất nghiêm trọng về sự phát triển của giống nòi. Khoản 4 Điều 251 của Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017) quy định khung hình phạt tù từ 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình. Như vậy, các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp tội phạm đặc biệt nghiêm trọng. Điểm b khoản 4 Điều 251 của Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017) quy định: “Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình. b) Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, **MDMA** hoặc XLR-11 có khối lượng 100 gam trở lên”. Đối chiếu với khối lượng ma túy mà các bị cáo mua bán trái phép thấy rằng:

Bị cáo Nguyễn Quang T mua bán trái phép là 1.323,889gam loại MDMA, đây là khối lượng đặc biệt lớn, vượt quá xa mức khởi điểm quy định tại điểm b khoản 4 Điều 251 của Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017). Đồng thời, bị cáo Nguyễn Quang T đóng vai trò chính trong vụ án; bị cáo có một tiền án, lần phạm tội này bị áp dụng tình tiết tăng nặng là tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bị cáo còn đang bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh khởi tố, điều tra về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” và tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức, sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo Điều 175 và Điều

341 Bộ luật Hình sự. Tòa án cấp sơ đã áp dụng đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và xử phạt bị cáo Nguyễn Quang T tử hình là có căn cứ, đúng pháp luật.

Đối với bị cáo Ngô Văn T1 là đồng phạm với bị cáo Nguyễn Quang T mua bán trái phép phép là 1.323,889gam loại MDMA; bị cáo Nguyễn Văn L mua bán trái phép phép là 621,21gam loại MDMA. Mặc dù khối lượng ma túy hai bị cáo mua bán trái phép có khác nhau. Tuy nhiên xét thấy riêng khối lượng ma túy mà bị cáo L phạm tội cũng đã đủ căn cứ để xử phạt tù không có thời hạn. Do đó, Tòa án cấp sơ đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho hai bị cáo và xử phạt bị cáo Ngô Văn T1, bị cáo Nguyễn Văn L tù chung thân là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Tại phiên tòa xét xử phúc thẩm hôm nay, bị cáo T có đơn xin giảm hình phạt của gia đình và các con của bị cáo; các bị cáo khác không có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới. Căn cứ vào khối lượng ma túy bị cáo T mua bán trái phép là đặc biệt lớn, thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng, thì việc loại bỏ vĩnh viễn bị cáo Nguyễn Quang T ra khỏi xã hội là điều cần thiết. Có như vậy mới đủ tác dụng để trừng trị đối với bị cáo, cũng như ngăn chặn và phòng ngừa chung đối với loại tội phạm này. Đồng thời, xử phạt tù chung thân các bị cáo Ngô Văn T1, bị cáo Nguyễn Văn L là tương xứng hành vi phạm tội. Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo Nguyễn Quang T, Ngô Văn T1, Nguyễn Văn L phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Quang T, Ngô Văn T1, Nguyễn Văn L, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 68/2021/HS-ST ngày 20/9/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

2. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Quang T, Ngô Văn T1 và Nguyễn Văn L phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

3. Về hình phạt:

3.1. Căn cứ điểm b khoản 4 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 40 của Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017). Xử phạt Nguyễn Quang T tử hình. Căn cứ khoản 4 Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự, tiếp tục tạm giam bị cáo Nguyễn Quang T để đảm bảo thi hành án. Trong thời hạn 07 (Bảy) ngày kể từ

ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bị cáo Nguyễn Quang T được gửi đơn xin ân giảm lên Chủ tịch nước.

3.2. Căn cứ điểm b khoản 4 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 và Điều 39 của Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017):

Xử phạt Ngô Văn T1 tù chung thân. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt 09/11/2020;

Xử phạt Nguyễn Văn L tù chung thân. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt 09/11/2020.

4. Hình phạt bổ sung: Căn cứ khoản 5 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017). Phạt tiền: Bị cáo Nguyễn Quang T 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng), bị cáo Ngô Văn T1 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng), bị cáo Nguyễn Văn L 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

5. Án phí hình sự phúc thẩm:

Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Các bị cáo Nguyễn Quang T, Ngô Văn T1, Nguyễn Văn L mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng).

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

(Đã ký)

Đặng Kim Nhân

Lê Phước Thanh

Trần Quốc Cường